

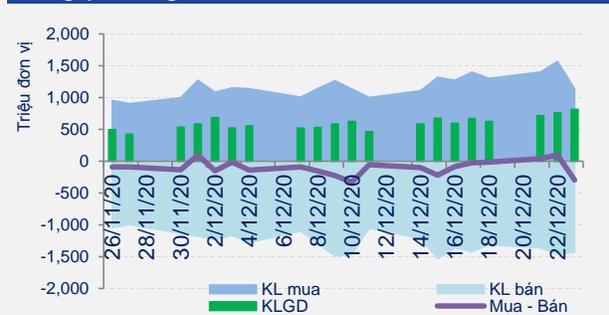
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 23/12/2020

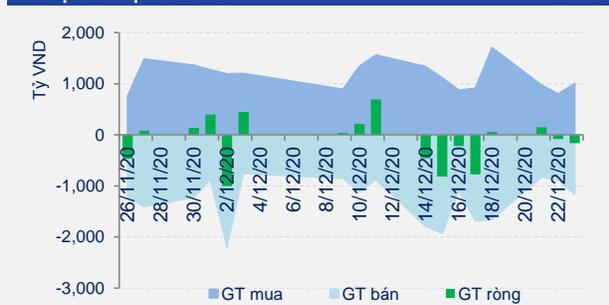
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,078.90	190.25
% Thay đổi	↓ -0.42%	↑ 1.28%
KLGD (CP)	813,169,564	168,178,632
GTGD (tỷ đồng)	14,949.99	1,931.64
Tổng cung (CP)	1,433,248,270	185,319,300
Tổng cầu (CP)	1,137,272,290	190,853,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	39,668,136	1,507,604
KL mua (CP)	28,182,413	653,021
GT mua (tỷ đồng)	1,003.91	8.23
GT bán (tỷ đồng)	1,165.90	18.27
GT ròng (tỷ đồng)	(161.99)	(10.04)

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.44%	13.1	2.2	1.8%
Công nghiệp	↓ -1.72%	15.5	2.7	14.9%
Dầu khí	↓ -0.80%	-	1.9	2.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.66%	-	4.5	2.8%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.01%	14.0	2.5	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.90%	17.7	4.8	9.6%
Ngân hàng	↓ -1.47%	10.6	2.3	23.8%
Nguyên vật liệu	↓ -0.95%	19.9	2.2	14.9%
Tài chính	↓ -0.75%	17.6	2.9	26.5%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.26%	14.9	2.4	3.1%
VN - Index	↓ -0.42%	17.6	3.0	
HNX - Index	↑ 1.28%	13.5	2.7	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi nhẹ vào đầu phiên sáng và giảm mạnh trở lại sau đó khi nhà đầu tư quyết định chốt lời từ khoảng 9h30 trở đi. Kết phiên, VN-Index giảm 11,38 điểm (-1,05%) xuống 1.067,52 điểm; HNX-Index giảm 2,62 điểm (-1,38%) xuống 187,63 điểm. Thanh khoản trên hai sàn suy giảm so với phiên giảm trước đó nhưng vẫn ở mức cao trên trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 15.951 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 909 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 1.507 tỷ đồng. Độ rộng thị trường nghiêng hẳn về tiêu cực với 186 mã tăng, 81 mã tham chiếu, 517 mã giảm. Cổ phiếu ngân hàng tiếp tục là nhóm giảm mạnh nhất trong phiên hôm nay để kéo thị trường xuống như BID (-2,4%), CTG (-1,6%), EIB (-2,6%), HDB (-3,3%), MBB (-0,4%), STB (-1,2%), TCB (-2,6%), VCB (-0,2%), VHM (-1,3%), VPB (-1,6%)... Trong nhóm VN30, chỉ có hai cổ phiếu là tăng giá SAB (+0,5%), VJC (+0,3%) đi ngược thị trường chung. Một số nhóm ngành khác như chứng khoán, cao su, khu công nghiệp, dầu khí... cũng chịu áp lực bán mạnh và hầu hết các cổ phiếu đều giảm điểm. Khối ngoại bán ròng phiên thứ ba liên tiếp khiến giao dịch càng trở nên tiêu cực.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Phiên thứ ba liên tiếp, thị trường chứng khoán Việt Nam thử thách ngưỡng kháng cự quanh 1.084 điểm (đỉnh tháng 5/2018) không thành công khi không thể đóng cửa trên ngưỡng này để xác nhận dự địa tăng tiếp theo lên ngưỡng 1.200 điểm (đỉnh tháng 4/2018). Thất bại trước ngưỡng này khiến tâm lý nhà đầu tư trở nên tiêu cực hơn dẫn đến áp lực bán chốt lời trong hai phiên gần đây. Tuy nhiên, điểm tích cực hiện tại là tâm lý bắt đáy vẫn còn tương đối mạnh giúp thu hẹp mức giảm trong phiên hôm nay. Thị trường phản ứng tốt với ngưỡng 1.045 điểm (MA20, đỉnh tháng 6/2018) và đây sẽ là hỗ trợ ngắn hạn trong các phiên tiếp theo. Basis trên thị trường phái sinh duy trì mức dương lớn từ 8,55 đến 12,15 điểm cho thấy các nhà giao dịch đang kỳ vọng thị trường sẽ sớm bật tăng trở lại. Với xu hướng thị trường hiện nay thì thị trường có thể giảm thêm 1 đến 2 phiên nữa như diễn biến vào cuối tháng 10/2020 để về vùng cân bằng cung cầu mới. Nhà đầu tư đang có tỷ trọng cổ phiếu cao có thể tiếp tục bán ra giảm tỷ trọng trong các nhịp tăng để giảm rủi ro nếu thị trường tiếp tục điều chỉnh. Nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao đã bắt đáy một phần trong phiên hôm nay nên tiếp tục quan sát và có thể giải ngân thêm nếu thị trường tiếp tục giảm về các ngưỡng hỗ trợ mạnh hơn.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 23/12/2020

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm vào đầu phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.084,76 điểm. Từ khoảng 9h30 trở đi, lực bán gia tăng mạnh khiến chỉ số lùi xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.046,89 điểm. Từ khoảng 10h30 trở đi, lực cầu bắt đáy gia tăng khiến mức giảm được thu hẹp. Kết phiên, VN-Index giảm 11,38 điểm (-1,05%) xuống 1.067,52 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: BID giảm 1.100 đồng, VHM giảm 1.100 đồng, VNM giảm 1.500 đồng. Ở chiều ngược lại, SAB tăng 1.000 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 184,22 điểm. Nhưng từ khoảng 9h30 trở đi, lực bán gia tăng khiến chỉ số lùi xuống dưới tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 184,22 điểm. Từ 10h30 trở đi, cầu bắt đáy gia tăng khiến mức giảm được thu hẹp. Kết phiên, HNX-Index giảm 2,62 điểm (-1,38%) xuống 187,63 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB giảm 700 đồng, THD giảm 1.000 đồng, VIX giảm 1.300 đồng. Ở chiều ngược lại, CEO tăng 900 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 74,94 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 9,6 triệu cổ phiếu. VNM mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 60,3 tỷ đồng tương ứng với 555 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 32,4 tỷ đồng tương ứng với 821 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCI là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 50,7 tỷ đồng tương ứng với 1 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 11,11 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 553 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 7,5 tỷ đồng tương ứng với 469 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PLC với 4,9 tỷ đồng tương ứng với 191 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,8 tỷ đồng tương ứng với 98 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index ghi nhận phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp với mức giảm mạnh hơn phiên trước đó và thanh khoản tiếp tục ở mức cao với gần 700 triệu cổ phiếu khớp lệnh. Áp lực bán gia tăng mạnh ngay khi thị trường hồi nhẹ phiên sáng để kiểm định một lần nữa ngưỡng kháng cự quanh 1.084 điểm tương ứng với vùng đỉnh tháng 5/2018.

Lực cầu bắt đáy được thúc đẩy tốt khi chỉ số giảm về hỗ trợ quanh đường MA20 ngày và cũng là vùng đỉnh thị trường hồi tháng 6/2018 quanh ngưỡng 1.045 điểm đã giúp chỉ số thu hẹp mức giảm tương đối đáng kể.

Mẫu hình nền hôm nay là dạng nền rút chân với bóng dưới dài cho thấy cầu mua lên khi thị trường giảm vẫn là tương đối mạnh mẽ. Tuy nhiên sẽ cần quan sát thêm phản ứng của thị trường trong các phiên tới để xác nhận khả năng phân phối tại vùng đỉnh của thị trường.

Khả năng thị trường tiếp tục giảm thêm 1 đến 2 phiên nữa về các vùng giá thấp hơn có thể xảy ra như diễn biến trước đó vào cuối tháng 10/2020. Vùng hỗ trợ trong ngắn hạn của thị trường sẽ là quanh ngưỡng 1.045 điểm (MA20, đỉnh tháng 6/2018) và vùng hỗ trợ trong trung hạn của thị trường quanh ngưỡng 1.000 điểm (MA50). Kháng cự trong ngắn hạn quanh ngưỡng 1.084 điểm (đỉnh tháng 5/2018).

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Ngành nông nghiệp đặt mục tiêu tốc độ tăng trưởng năm 2021 khoảng 3%

Bộ trưởng Bộ NN&PTNT Nguyễn Xuân Cường khẳng định, ngành nông nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò "trụ đỡ" của nền kinh tế khi vẫn đạt tăng trưởng 2,65% trong đại dịch COVID-19.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 55,2 - 55,8 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) tăng 200.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không đổi ở chiều bán ra.

Tỷ giá trung tâm giảm 5 đồng Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 24/12 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.162 VND/USD, giảm 5 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 4,65 USD/ounce tương ứng với 0,25% lên 1.882,75 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,168 điểm tương ứng 0,19% xuống 90,172 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,2197 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3582 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 103,63 JPY.

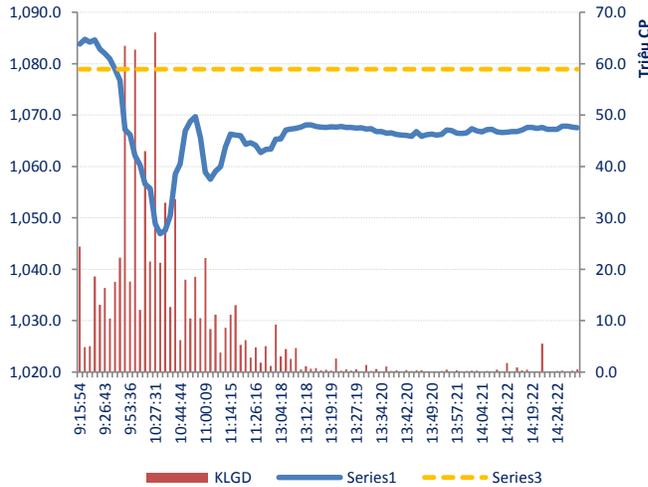
Giá dầu thế giới giảm Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,09 USD/thùng tương ứng với 0,19% xuống mức 48,03 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều Kết thúc phiên giao dịch ngày 23/12, chỉ số Dow Jones tăng 114,32 điểm tương ứng 0,38% lên 30.129,83 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 36,8 điểm tương ứng 0,29% xuống 12.771,11 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 2,75 điểm tương ứng 0,07% lên 3.690,01 điểm.

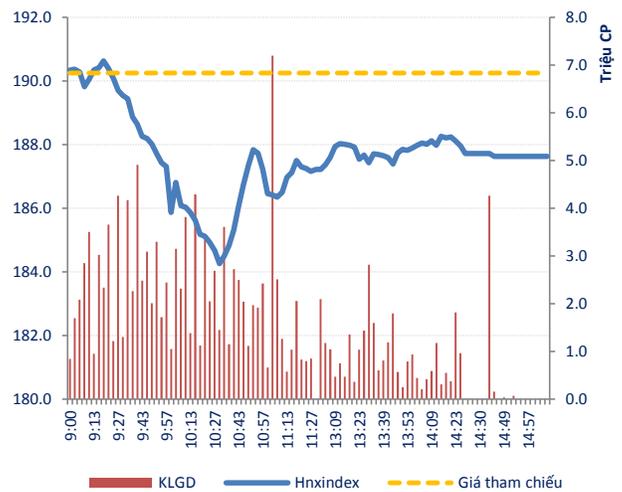


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

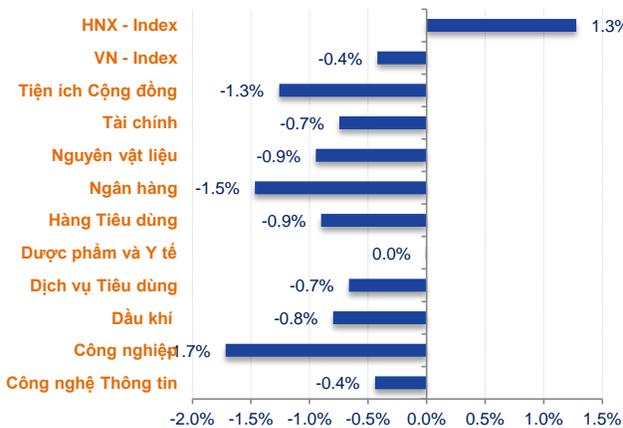
KLGD và VN-Index trong phiên



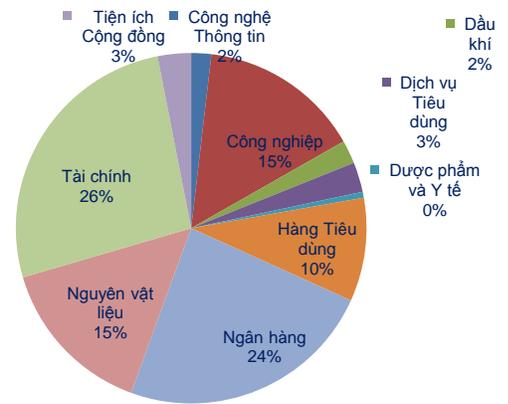
KLGD và HNX-Index trong phiên



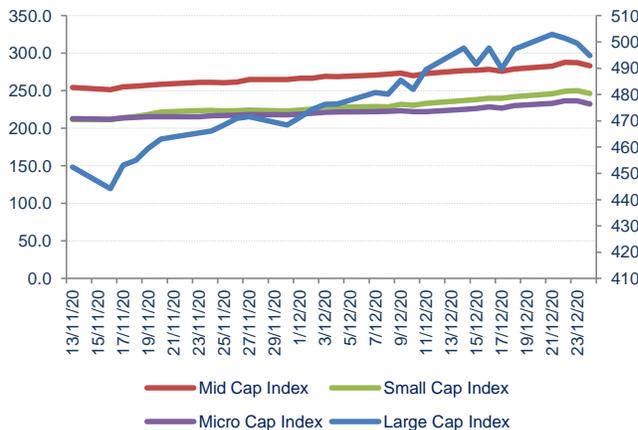
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



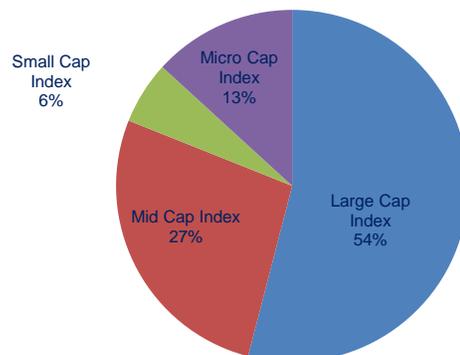
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBB	1,260,090	SSI	976,730
2	VCI	1,031,520	HPG	821,100
3	FUEVFVND	908,810	HCM	751,460
4	VRE	769,470	FLC	607,410
5	HDG	584,280	HDB	561,360

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SZB	46,400	SHS	390,990
2	MBG	45,200	API	281,700
3	PVS	35,000	TIG	120,300
4	MCF	26,900	BVS	75,200
5	ACM	24,900	HUT	59,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HQC	1.84	1.94	↑ 5.43%	35,309,520
HPG	39.35	40.00	↑ 1.65%	28,154,610
ITA	6.31	6.31	→ 0.00%	26,817,860
STB	17.15	16.70	↓ -2.62%	26,111,720
GEX	22.10	23.60	↑ 6.79%	24,190,880

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	18.20	18.00	↓ -1.10%	18,669,408
HUT	3.90	4.00	↑ 2.56%	18,157,861
NVB	8.80	8.70	↓ -1.14%	17,875,384
ART	3.10	3.30	↑ 6.45%	12,237,758
KLF	1.90	2.00	↑ 5.26%	12,153,680

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CDC	18.86	26.30	7.44	↑ 39.47%
PXT	1.43	1.53	0.10	↑ 6.99%
TDC	12.90	13.80	0.90	↑ 6.98%
IJC	22.30	23.85	1.55	↑ 6.95%
HAP	5.90	6.31	0.41	↑ 6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KDM	2.00	2.20	0.20	↑ 10.00%
HCT	11.10	12.20	1.10	↑ 9.91%
VE4	13.30	14.60	1.30	↑ 9.77%
PSI	4.20	4.60	0.40	↑ 9.52%
VSM	12.60	13.80	1.20	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVI	100.00	93.00	-7.00	↓ -7.00%
DTL	9.55	8.89	-0.66	↓ -6.91%
HOT	37.90	35.30	-2.60	↓ -6.86%
CRC	13.95	13.00	-0.95	↓ -6.81%
IDI	7.82	7.29	-0.53	↓ -6.78%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CAN	28.10	25.30	-2.80	↓ -9.96%
BBS	11.90	10.80	-1.10	↓ -9.24%
CMC	5.50	5.00	-0.50	↓ -9.09%
KTS	13.50	12.30	-1.20	↓ -8.89%
VTV	5.70	5.20	-0.50	↓ -8.77%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	35,309,520	0.4%	39	49.5	0.2
HPG	28,154,610	3250.0%	3,235	12.4	2.4
ITA	26,817,860	1.9%	216	29.2	0.5
STB	26,111,720	8.6%	1,318	12.7	1.1
GEX	24,190,880	8.3%	1,402	16.8	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	18,669,408	12.9%	1,702	10.6	1.3
HUT	18,157,861	-1.7%	(205)	-	0.3
NVB	17,875,384	1.1%	111	78.2	0.8
ART	12,237,758	4.8%	551	6.0	0.3
KLF	12,153,680	-0.1%	(14)	-	0.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CDC	↑ 39.5%	14.6%	2,611	10.1	1.4
PXT	↑ 7.0%	-11.5%	(441)	-	0.4
TDC	↑ 7.0%	17.1%	2,154	6.4	1.1
IJC	↑ 7.0%	13.7%	1,885	12.7	1.7
HAP	↑ 6.9%	1.9%	240	26.2	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KDM	↑ 10.0%	2.5%	275	8.0	0.2
HCT	↑ 9.9%	3.8%	743	16.4	0.6
VE4	↑ 9.8%	0.3%	49	296.8	1.0
PSI	↑ 9.5%	0.9%	89	51.7	0.4
VSM	↑ 9.5%	13.7%	2,291	6.0	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	1,260,090	18.4%	2,994	7.6	1.3
VCI	1,031,520	16.1%	3,769	13.4	2.1
UEVFN	908,810	N/A	N/A	N/A	N/A
VRE	769,470	8.3%	1,002	30.5	2.5
HDG	584,280	26.9%	6,235	5.6	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SZB	46,400	20.1%	3,560	9.7	1.9
MBG	45,200	8.8%	876	6.5	0.5
PVS	35,000	5.1%	1,373	11.7	0.6
MCF	26,900	10.1%	1,122	10.3	1.0
ACM	24,900	0.0%	2	425.5	0.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	361,616	19.4%	4,631	21.1	3.9
VIC	357,523	7.0%	2,509	42.1	2.9
VHM	287,504	30.6%	6,762	12.9	3.6
VNM	230,279	35.3%	5,320	20.7	7.3
BID	187,426	10.7%	2,133	21.8	2.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	33,250	13.5%	243	391.2	9.1
SHB	31,596	12.9%	1,702	10.6	1.3
VCS	13,021	39.0%	8,573	9.8	3.5
IDC	11,040	7.1%	1,010	36.5	2.5
PVS	7,695	5.1%	1,373	11.7	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TAC	2.39	31.9%	5,963	8.0	3.3
TNI	2.30	0.6%	73	44.4	0.3
ASM	2.12	8.5%	2,151	7.9	0.7
VRC	2.06	0.2%	39	241.0	0.4
TTF	1.99	0.0%	(824)	-	-

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	3.14	13.5%	243	391.2	9.1
BII	2.81	-17.1%	(1,683)	-	0.3
LUT	2.64	0.1%	10	636.2	0.5
MST	2.14	1.9%	257	26.4	0.5
DZM	2.02	0.3%	31	153.4	0.5



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
